FireAnt

CTCP Create Capital Việt Nam (HSX: CRC)

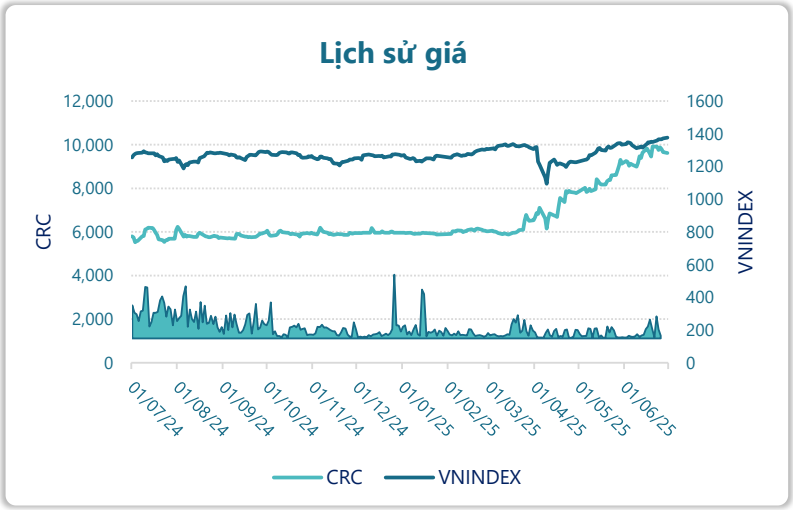

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,620**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,920
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,526
SL cổ phiếu LH	68,399,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)	962,895
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	658
P/E	14.4
EPS	669

DT thuần

Q2/25

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.00| 5.8%

YoY: ▼9.00| -6.3%

LN sau thuế

Q2/25

13.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10| -0.6%

YoY: ▼21.1| -60.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

17.4%

+/- YoY: ▼ 9.9%

DT thuần

6T 2025

271

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 22.2%

LN sau thuế

6T 2025

28.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.4| -38.4%

ROE

Q2/25

5.5%

+/- YoY: ▼ 4.1%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

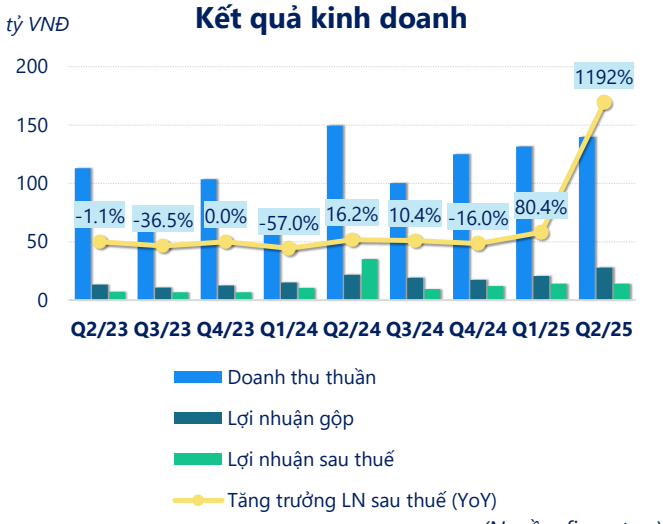

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

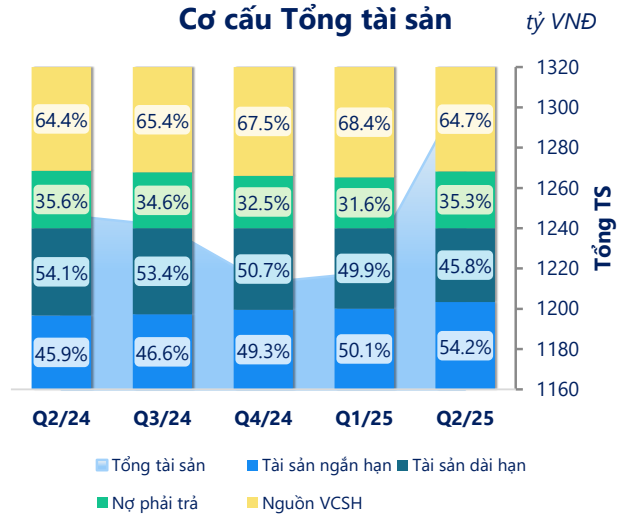

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

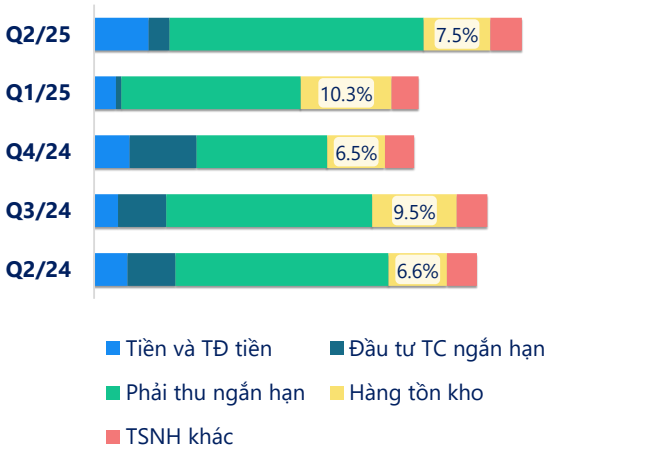

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

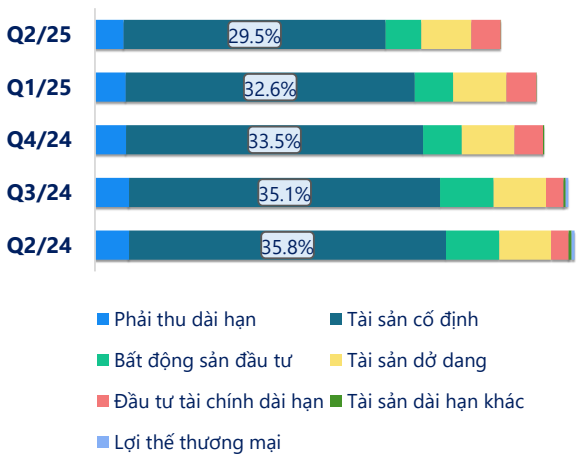

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

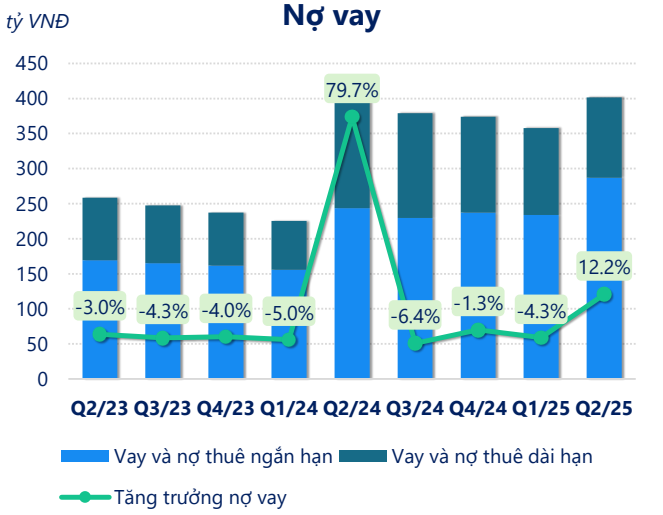

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

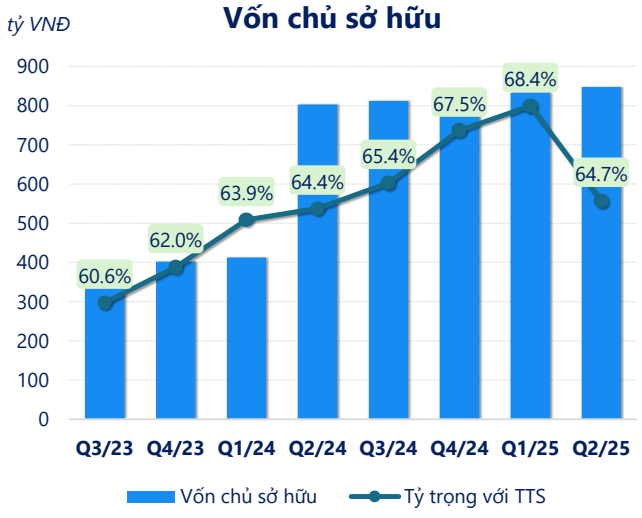

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

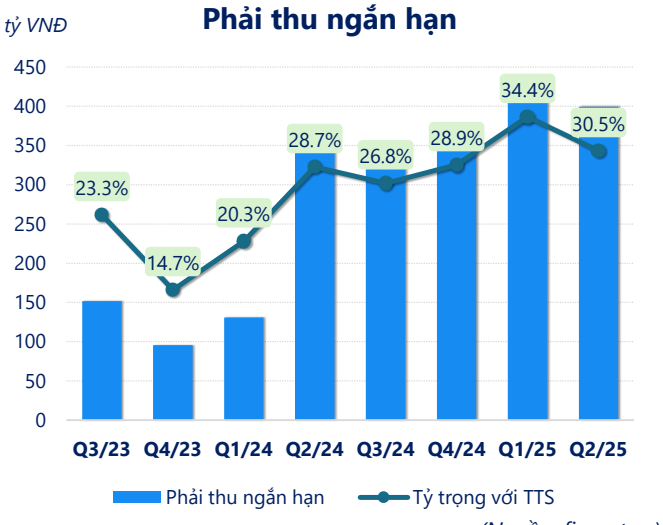

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

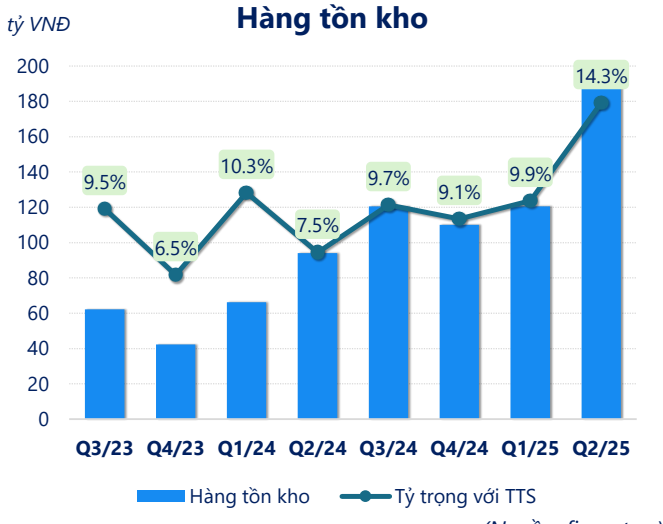

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

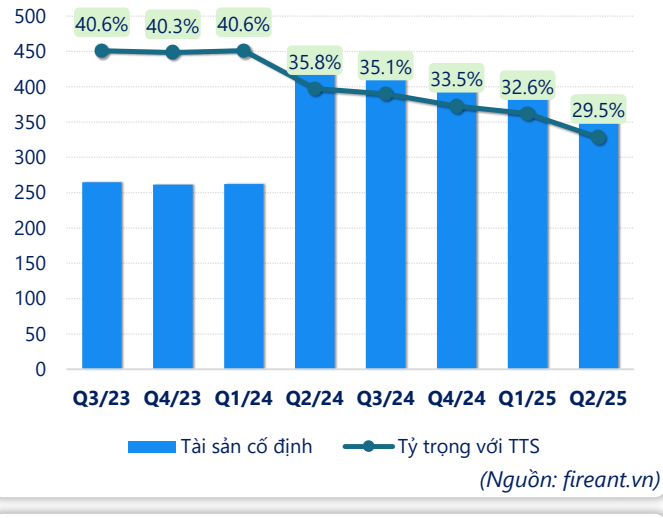

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

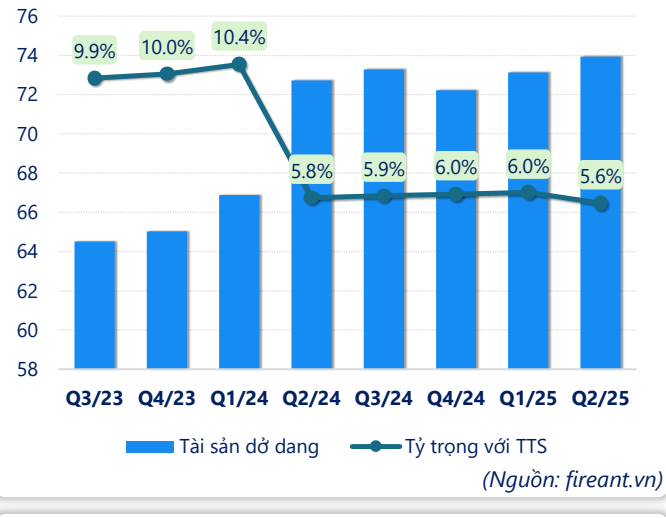

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

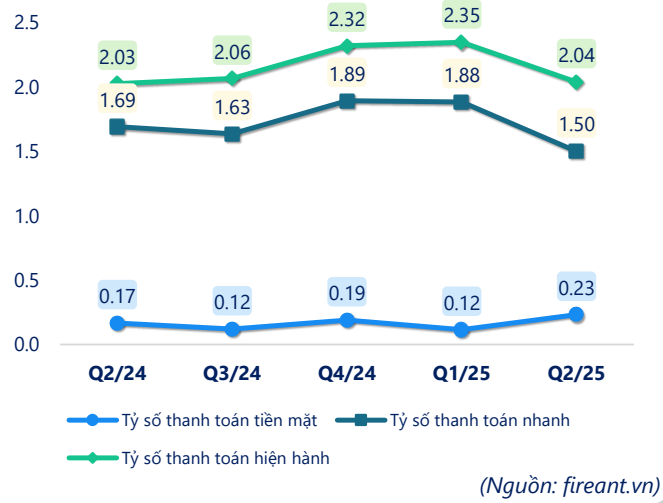

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

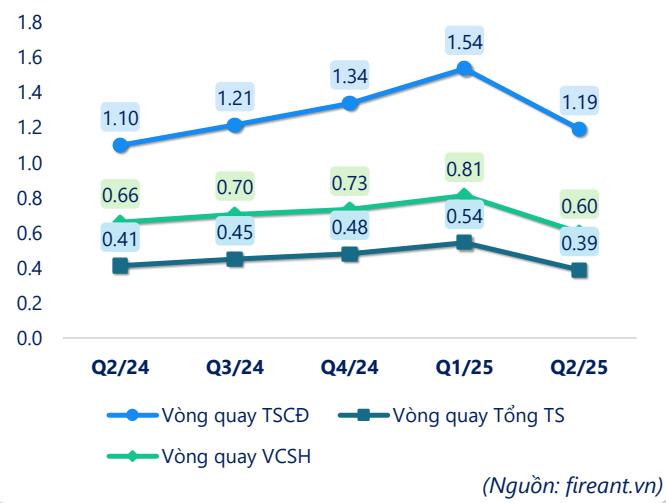

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,247**	**1,241**	**1,213**	**1,218**	**1,310**
Tài sản ngắn hạn	**572**	**578**	**598**	**611**	**710**
Tiền và tương đương tiền	47.3	33.6	48.8	30.0	80.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.1	47.1	49.6	4.20	5.83
Phải thu ngắn hạn	358	333	351	418	399
Hàng tồn kho	94.1	121	110	121	188
Tài sản ngắn hạn khác	44.1	43.8	39.0	37.4	36.0
Tài sản dài hạn	**674**	**663**	**615**	**607**	**600**
Phải thu dài hạn	48.0	48.0	42.5	42.5	42.5
Tài sản cố định	446	436	407	397	387
Bất động sản đầu tư	75.0	75.0	53.0	53.0	53.0
Tài sản dở dang	72.7	73.3	72.2	73.1	73.9
Đầu tư tài chính dài hạn	24.8	24.8	39.1	41.4	43.5
Tài sản dài hạn khác	4.11	2.75	1.45	0.38	0.33
Lợi thế thương mại	3.98	3.87	0	0	0
Nợ phải trả	**444**	**430**	**395**	**384**	**463**
Nợ ngắn hạn	**283**	**280**	**258**	**260**	**348**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	244	230	237	234	287
Phải trả người bán ngắn hạn	30.6	30.3	14.1	18.5	47.1
Nợ dài hạn	162	150	137	124	114
Vay và nợ thuê dài hạn	162	150	137	124	114
Nguồn vốn chủ sở hữu	**802**	**812**	**818**	**833**	**847**
Vốn chủ sở hữu	**802**	**812**	**818**	**833**	**847**
Vốn điều lệ	600	600	600	600	684
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)